

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HS-ST
Ngày: 21-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Đỗ Thanh Đình
+ Bà Nguyễn Thị Bình.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thiện, ông Võ Chí Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 15, 16, 17, 18 và ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh B, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1997, tại Quảng Ngãi;
Nơi cư trú: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi;
Nghề nghiệp: Sinh viên Trường Cao đẳng Y tế ĐTT;
Trình độ học vấn: 12/12;
Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn B, sinh năm 1965 và bà Lê Thị B, sinh năm 1973;
Vợ, con: Chưa có;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19-7-2017 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc L, là luật sư của Văn phòng luật sư Công Anh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 44 Lê Văn Sỹ, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa theo Quyết định về việc cử luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng số 120/QĐ-TGPL ngày 26-9-2017 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị hại: Ông Nguyễn M, sinh năm 1950 (chết); địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn M:

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (vợ ông M), có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn KT, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (con ông M), có mặt.

- Ông Nguyễn K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn KT, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (con ông M), có mặt.

- Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (con ông M), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn KT, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Ông Nguyễn K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn KT, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4. Ông Võ Văn N, sinh năm 1974, địa chỉ: Đội 13, thôn ĐA, xã NT, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

5. Ông Nguyễn B, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Hạ Tấn C, sinh năm 1994; HKTT: Thôn TC, xã ST, huyện SH, tỉnh QN, địa chỉ chỗ ở: Thôn 1, xã LD, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận (tiệm thuốc tây Tịnh An), có mặt.

2. Ông Lê Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn HB, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Minh C, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 1, xã BR, huyện TL, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

4. Ông Lê V, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn HB, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Ông Lê H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn6 HB, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6. Ông Phạm C, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn HB, xã NH, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Anh Lê Công T, sinh năm 1994; địa chỉ tạm trú: Hẻm 151 TĐ, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ chỗ ở: Thôn AT, xã PH, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8. Anh Đoàn Duy T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 57 LVS, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn TK, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

11. Cháu Lê Quang N, sinh ngày 25-9-2007; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Quang N là ông Lê Văn T, bà Trương Thị Thanh T; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi

(là cha mẹ đẻ của cháu N).

12. Cháu Phan Nguyễn Anh K, sinh ngày 23-3-2007; địa chỉ: Thôn HA, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu K là ông Phan Quốc L, bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn HA, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (là cha mẹ đẻ của cháu K).

13. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

14. Bà Võ Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 57 LVS, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

16. Bà Ngô Thị Kim P, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

17. Cháu Trần Thị Kim T, sinh ngày 21/02/2011; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu T là ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị Như L; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi (là cha mẹ đẻ của cháu T).

18. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

19. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

20. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

21. Bà Lê Thị B, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn CLB, xã NP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

22. Ông Trần Quang T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn NT, xã TA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

23. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn ĐH, xã NĐ, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

24. Bà Lê Thị B, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn KL, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Giám định viên: Ông Phạm Ngọc P – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi - Sở Y tế, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên vợ chồng ông Nguyễn B và bà Lê Thị B có đơn khởi kiện tranh chấp thừa đất 498, tờ bản đồ số 14 tại thôn Khánh Lạc, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi với hai anh em ông Nguyễn B và ông Nguyễn M tại thôn Khánh Lạc, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2016/DS-ST ngày 05/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xét xử buộc ông Nguyễn M và ông Nguyễn

B chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn B tại thửa đất 498, tờ bản đồ số 14, diện tích là 1.075,7m² tại thôn Khánh Lạc, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi. Đồng thời buộc ông M, ông B phải chặt, thu dọn 02 đám tre (01 đám có diện tích 23m² và 01 bụi có 169m²), 16 cây bạch đàn, 01 cây dương liễu trên thửa đất 498, tờ bản đồ số 14, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi để trả lại diện tích đất trên cho hộ ông Nguyễn B. Ngày 26/4/2017 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi có biên bản giao 02 đám tre 23m² và 169m², 12 cây bạch đàn, 01 cây dương liễu cho ông Nguyễn B tự đốn chặt. Nếu có ai tranh chấp tài sản được giao thì ông Nguyễn B có trách nhiệm báo chính quyền địa phương để được giải quyết (Bút lục: 180, 181, 187, 188, 190, 191, 197...)

Ngày 07/5/2017, ông Nguyễn B thuê ông Phạm C; ông Lê H và ông Lê V, đều trú tại thôn Hòa Bình, xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đến chặt hai đám tre tại vườn nhà của ông B ở thôn Khánh Lạc, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, ông C, ông H và ông V tiếp tục chặt tre thì ông Nguyễn M đi ngang qua chỗ những người đốn tre, ông M đến ngăn cản và nói với những người chặt tre là không được chặt nữa nếu tiếp tục chặt thì ông M sẽ ném đá, sau đó ông M đi xuống nhà ông Nguyễn B là anh ruột ông M ở gần đó, còn ông V, ông C, ông H vẫn tiếp tục chặt tre cho ông B. Khoảng 15 phút sau ông M cùng vợ là bà Võ Thị H tiếp tục quay lại trên đường bê tông đến trước nhà ông B dùng một cục đá ném về phía những người đang chặt tre nhưng không trúng ai, lúc này ông C, ông V, ông H dừng lại không chặt tre nữa. Ông Nguyễn B từ trong nhà ra biết được ông M ngăn cản không cho chặt tre, ông B đến chỗ ông M đang đứng ngoài đường trước nhà ông B thì xảy ra cãi vã, giằng co với nhau. Nguyễn Thanh B là con ông B ở gần đó thấy vậy xáp đến dùng tay phải đánh thẳng vào mặt bên phải ông M làm cho ông M ngã ngửa xuống nền đường bê tông trước cổng nhà vợ chồng bà P và ông Huỳnh Văn T, đầu ông Nguyễn M va đập xuống mặt đường bê tông bị chấn thương ở vùng cằm, chảy máu mũi dẫn đến bất tỉnh. Sau khi sự việc xảy ra Công an xã Nghĩa Hà lập biên bản sự việc (Bút lục 36, 267) có tạm giữ 03 cục đá (do ông Nguyễn B giao nộp) gồm:

- + 01 cục đá cuội (đá tự nhiên) có kích thước (7 x 8)cm màu trắng xám;
- + 01 cục đá bằng bê tông có kích thước (7 x 8)cm màu xám;
- + 01 cục đá bằng xi măng có kích thước (11 x 7)cm màu đen xám.

Đồng thời yêu cầu gia đình ông M đưa ông M đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi cấp cứu, tại phiếu kết quả CTCAN của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (Bút lục 152) kết luận:

- Tụ máu dưới màng cứng lớp dày 3mm vùng trán hai bên.
- Xuất huyết dưới nhện rải rác 2 bên bán cầu não.
- Xuất huyết liềm não.
- Nứt xương sọ chẩm trái.

Ông M bị chấn thương nặng nên gia đình chuyển ra Bệnh viện Đà Nẵng để tiếp tục cấp cứu và điều trị đến ngày 12/6/2017 xuất viện (thời gian điều trị tại bệnh viện 37 ngày). Tại Tóm tắt bệnh án số 826/BVĐN-KHTH ngày 17/7/2017 của Bệnh viện Đà Nẵng (bút lục số 156, 157) có ghi nhận: CT Scan sọ não: “Đập não tụ máu nhu mô trán đỉnh 2 bên. Xuất huyết dưới nhện. Phù

não. Tụ máu liềm não và dưới màng cứng 2 bán cầu. Đường giữa lệch nhẹ sáng (P). Nứt hố sau-chẩm (T)”, ông M được đưa về nhà tiếp tục điều trị trong trạng thái sống thực vật.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ông Nguyễn M (BL 159), phát hiện và xác định các dấu vết ở các vị trí trên thân thể ông M như sau:

- + Sưng nề gò má phải kích thước (4x3) cm;
- + Xây xát da vùng chẩm trái KT (3x2) cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 62/2017/GDPY ngày 18/5/2017 của Phòng giám định pháp y, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (giám định tại khoa hồi sức cấp cứu - Bệnh viện Đà Nẵng) kết luận đối với thương tích của ông Nguyễn M như sau (BL 160, 161):

- Sưng nề gò má phải KT (4 x 3) cm: 0,00%;
- Tổn thương do chấn thương sọ não:
 - + Dập não và tụ máu nhu mô trán- đỉnh hai bên: 25%
 - + Nứt sọ hố sau chẩm: 15,75% (cộng lùi)
 - + Xuất huyết dưới nhện: 9,48% (cộng lùi)
 - + Xây xát da đầu vùng chẩm trái KT (3 x 2) cm: 0,49% (cộng lùi).

Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của ông Nguyễn M là: 50,72% (làm tròn số là 51 phần trăm).

* Hiện tại bệnh nhân Nguyễn M đang hôn mê phải thở bằng máy, chưa đánh giá được di chứng não.

* Tổn thương trên phù hợp vật tày gây thương tích.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã có Văn bản số 276/CV-CSĐT ngày 18/5/2017 gửi Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc xác định cơ chế hình thành thương tích đối với ông Nguyễn M. Đến ngày 22/5/2017, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi đã có Công văn số 14/2017/CV-PY (BL 163) xác định: Tại thời điểm giám định ông Nguyễn M có 02 vị trí thương tích:

- Vị trí vật tác động vào vùng gò má phải gây sưng nề gò má phải KT (4 x3) cm, thương tích này không gây tổn thương xương và tổ chức nội sọ.
- Vị trí vật tày tác động vào vùng chẩm trái gây tổn thương bên ngoài xây xát da đầu vùng chẩm trái KT (3 x 2)cm, tác động ngoại lực này gây nứt xương sọ chẩm trái, xuất huyết dưới nhện, dập não và tụ máu nhu mô trán - đỉnh 2 bên.

Ngày 17/6/2017 ông M được gia đình chuyển ra Bệnh viện Đà Nẵng điều trị đến ngày 23/6/2017 xuất viện. Tại tóm tắt bệnh án số 827/BVĐN-KHPTH ngày 18/7/2017 của Bệnh viện Đà Nẵng có ghi nhận: CT Scan sọ não: “Hình ảnh phù não lan tỏa 2 bán cầu nghi ngờ có khối choáng chỗ nhu mô vùng tán hai bên” (bút lục 158). Gia đình ông M có đơn yêu cầu giám định lại thương tích cho ông M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi xét thấy cần trưng cầu giám định bổ sung để xác định chính xác tỷ lệ thương tích của ông Nguyễn M vì tại Bản kết luận giám định số 62/2017/GDPY ngày 18/5/2017 thì Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Hiện tại bệnh nhân đang hôn mê phải thở máy, chưa đánh giá được di chứng não.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích (Bổ sung) số: 104/2017/GDPY ngày 02/8/2017 của Phòng giám định pháp y, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi kết luận thương tích của ông Nguyễn M (BL 171):

- Chấn thương sọ não, gây di chứng tổn thương chức năng thần kinh, liệt tứ chi mức độ vừa: 83% (tám mươi ba phần trăm).

- 01 sẹo vùng chàm kích thước (2,5 x 01)cm: 0,17% (không phải mười bảy phần trăm). Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định, tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của ông Nguyễn M là 83% (tám mươi ba phần trăm).

Tại Bản án số 75/2018/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi căn cứ điểm a khoản 3 Điều 134, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 19-7-2017) về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn M tổng số tiền là 571.039.134đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo B kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và tuyên phạt bị cáo 07 năm tù là oan; buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn M là không đúng. Người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Võ Thị H kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ hành vi phạm tội của ông Nguyễn B với vai trò đồng phạm và tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh B.

Tại bản án số: 40/2019/HS-PT ngày 17-9-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2018/HS-ST ngày 28-12-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án cho VKSND thành phố Quảng Ngãi để điều tra lại. Kết quả Cơ quan điều tra, điều tra như sau:

Ngày 28-10-2019, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã có công văn số 1208/CV-CSĐT(ĐTTH) đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi giải thích một số nội dung trong Bản kết luận giám định thương tích số 62/2017/GDPY ngày 17-5-2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 30-10-2019, Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi đã có công văn số 100/TTPY trả lời như sau:

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 104/2017/GDPY ngày 02-8-2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi) đã xác định thương tích của ông Nguyễn M 83% là do chấn thương sọ não gây di chứng tổn thương chức năng thần kinh, liệt tứ chi mức độ vừa: 83% và 01 sẹo vùng chàm: 0,17%.

- Tổn thương trên là do chấn thương sọ não gây nên, thể hiện trên các phim CT.Scan sọ não chụp ngày 07-5-2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng

Ngãi; CT.Scan sọ não chụp tại Bệnh viện đa khoa TP Đà Nẵng, hoàn toàn không có liên quan đến tiền sử bệnh tai biến mạch máu não từ trước và bệnh viêm phổi (Bội nhiễm phổi).

Ngày 01-11-2019, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã có công văn số 1045/CV-CSĐT(ĐTTH) đề nghị Bệnh viện đa khoa TP Đà Nẵng giải thích một số nội dung trong tóm tắt bệnh án của ông Nguyễn M. Ngày 14-11-2019, Bệnh viện đa khoa TP Đà Nẵng đã có công văn số 1400/BVĐN-KHTH trả lời như sau:

- Khi người bệnh vào viện, phần hành chính: (tên, tuổi, địa chỉ...) được ghi theo giấy tờ tùy thân của người bệnh, trong trường hợp không đem theo giấy tờ tùy thân sẽ ghi theo lời khai của người bệnh hoặc người nhà của người bệnh. Trường hợp này, người nhà của ông Nguyễn M khai bệnh nhân 68 tuổi nên máy tính tự động hiển thị năm sinh 1949.

- Chẩn đoán lúc vào viện. Bệnh chính: Chấn thương sọ não. Bệnh kèm: Tai biến mạch máu não cũ, yếu ½ người (T). Biện chứng: Dập não, tụ máu nội sọ, lơ mơ, suy hô hấp.

Theo ghi nhận tại hồ sơ bệnh án (588B8/2017), phần tiền sử bản thân người nhà khai bệnh nhân bị tai biến mạch máu não cũ, yếu ½ người (T), tức là tình trạng này có trước khi bệnh nhân bị chấn thương sọ não.

Biện chứng dập não, tụ máu nội sọ, lơ mơ, suy hô hấp là hậu quả của bệnh chính chấn thương sọ não.

Trong quá trình điều tra lại, Cơ quan điều tra đã tiến hành hỏi cung Nguyễn Thanh B, ghi lời khai những người làm chứng và người có liên quan gồm: ông Nguyễn B, bà Võ Thị H, anh Nguyễn K, anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị T, ông Lê Văn D, ông Phạm C, anh Hạ Tấn C, cháu Phan Nguyễn Anh K, cháu Lê Quang N, cháu Trần Thị Kim T về nội dung diễn biến vụ việc. Tuy nhiên, Nguyễn Thanh B và những người này đều giữ nguyên lời khai trước đây, không bổ sung hay thay đổi gì về lời khai.

Đối với ông Trần Minh C: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương và ghi lời khai bà Nguyễn Thị Mỹ L (SN: 1983; HKTT: Khánh Lạc, Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi – Cháu dâu của ông C) xác định, hiện ông C không có mặt tại xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi, ông C bị tai biến vào khoảng tháng 8-2017 âm lịch, đến nay sức khỏe yếu, tinh thần không minh mẫn, đi đứng không vững, nói chuyện ú ớ. Do đó, Cơ quan điều tra không làm việc lại đối với ông Trần Minh C.

Nội dung đối chất: Cơ quan điều tra đã tổ chức đối chất giữa ông Lê Văn D với Nguyễn Thanh B; đối chất giữa bà Võ Thị H với anh Hạ Tấn C; đối chất giữa anh Hạ Tấn C với anh Lê Văn D; đối chất giữa ông Nguyễn B với ông Lê Văn D, đối chất giữa bà Võ Thị H với ông Lê Văn D, tuy nhiên những người tham gia đối chất vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra cũng đã ra Quyết định dẫn giải đối với: Ông Phạm C, anh Hạ Tấn C, cháu Phan Nguyễn Anh K, cháu Lê Quang N để tiến hành đối chất với Nguyễn Thanh B và những người làm chứng khác. Tuy nhiên, những người này không đồng ý đối chất và không chấp hành Quyết định dẫn giải với nhiều lý do khách quan khác nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm vào ngày 06/7/2020, Hội đồng xét xử Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Yêu cầu đối chất Hạ Tấn C, Lê Quang N, Phan Nguyễn Anh K với Nguyễn Thanh B và Nguyễn B; làm rõ hành vi ông Nguyễn B đồng phạm với Nguyễn Thanh B gây thương tích cho ông M. Ngày 09/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi có công văn số 443/VKS ngày 09/7/2020 trả lời: Yêu cầu đối chất giữa Hạ Tấn C với Nguyễn Thanh B, Nguyễn B, Cơ quan điều tra đã áp dụng biện pháp dẫn giải để đối chất với Nguyễn Thanh B và Nguyễn B, tuy nhiên C từ chối và không chấp hành biện pháp dẫn giải. Đối với nhân chứng Lê Quang N, Phan Nguyễn Anh K, Cơ quan điều tra đã quyết định dẫn giải, yêu cầu các cháu đối chất với B và ông B nhưng các cháu và gia đình từ chối vì các cháu còn nhỏ tuổi, sợ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu và giữ nguyên lời khai ban đầu; và không có căn cứ để xác định ông Nguyễn B đồng phạm với Nguyễn Thanh B gây thương tích cho ông Nguyễn M.

* Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 12-3-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Thanh B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 134; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 05 năm đến 06 năm tù.

Đối với ông Nguyễn B không có căn cứ để xác định cùng với Nguyễn Thanh B đánh ông M ngã nên cơ quan điều tra không có căn cứ để kết luận ông Nguyễn B đồng phạm với Nguyễn Thanh B trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy 03 cục đá mà ông Nguyễn B đã giao nộp.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn M theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh B tại phiên tòa cho rằng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 134; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người làm chứng Lê Văn D, Trần Minh C, Lê V, Lê H, Phạm C, Lê Công T, Đoàn Duy T, Nguyễn Hữu A, Nguyễn Thanh T, Lê Quang N, Phan Nguyễn Anh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Mỹ L, Ngô Thị Kim P, Trần Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị V, Đỗ Thị N, Lê Thị B, Trần Quang T, Nguyễn Văn T, Giám định viên: Ông Phạm Ngọc P đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ

đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293, 294 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thanh B khai nhận hành vi phạm tội của mình: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07-5-2017, sau khi ông Nguyễn M có hành vi ngăn cản không cho gia đình bị cáo Nguyễn Thanh B chặt tre thì giữa cha bị cáo B là ông Nguyễn B và ông Nguyễn M có xảy ra cãi vã, giằng co để giành giật cục đá trên tay của ông M. Trong lúc tức giận, không kiềm chế được hành vi của mình nên Nguyễn Thanh B từ trong nhà của mình đi ra đến chỗ ông B và ông M đang giằng co giật cục đá, B đến đứng bên phải của ông B và đứng đối diện với ông M, ông M dùng tay phải giật được cục đá đánh từ trên xuống không biết trúng vào mặt ông B hay không nên B dùng tay phải đánh thẳng vào mặt bên phải của ông M thì ông M ngã ngửa xuống đường là phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã thu thập: (bút lục 36) Biên bản vụ việc, lời khai của các nhân chứng (bút lục 300, 302, 304, 305, 308, 309) Biên bản ghi lời khai của ông Lê Văn D vào các ngày 08/5/2017, ngày 16/5/2017, ngày 01/6/2017, ngày 05/01/2018, (bút lục 364) Biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Hữu A ngày 05/10/2017, (bút lục 294, 295, 287, 297, 298, 630, 631) Biên bản ghi lời khai của Hạ Tấn C các ngày 24/7/2017, ngày 11/12/2017, ngày 22/6/2018, (bút lục 311, 313, 315, 316, 645, 646) Biên bản ghi lời khai của cháu Lê Quang N các ngày 07/7/2017, ngày 15/7/2017, ngày 22/7/2017, ngày 27/6/2018, các vết thương trên người ông Một (bút lục 159), Biên bản thực nghiệm điều tra (bút lục 594, 595, 596) xác định từ vị trí các nhân chứng đứng đến vị trí B đánh ông M ngã không bị che khuất tầm nhìn nên có đủ điều kiện nhìn thấy B đánh trúng vào mặt ông M làm cho ông M ngã xuống đường. Do đó, có đủ căn cứ để xác định Nguyễn Thanh B dùng tay phải đánh trúng vào mặt ông M làm cho ông M bị ngã ngửa xuống nền đường bê tông trước nhà ông Huỳnh Văn T gây chấn thương sọ não, gây di chứng tổn thương chức năng thần kinh, liệt tứ chi mức độ vừa, với tỉ lệ thương tích là 83% (Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 104/2017/GĐPY ngày 02-8-2017 của Phòng Giám định Pháp y Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của ông Nguyễn M là 83%).

Lời khai nhận tội của bị cáo B tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc, phù hợp với lời khai của người làm chứng nêu trên, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích của ông Nguyễn M, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương do bị cáo B gây ra, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra. Hành vi bị cáo B dùng tay đánh vào mặt ông Nguyễn M làm cho ông M ngã xuống đường gây thương tích 83%. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Thanh B là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội bị cáo B là do giữa gia đình ông M và gia đình bị cáo có mâu thuẫn từ lâu, việc ông B cha bị cáo thuê người chặt bụi tre được Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi giao là đúng pháp luật, nhưng

ông M có ngăn cản không cho chặt tre (có dùng đá ném nhưng không trúng ai) nên có một phần hành động xử sự không đúng của ông M, bị cáo tự phát, chủ động dùng tay đánh trúng vào mặt ông M trong lúc ông M và ông B có cãi vã lẫn nhau là lỗi cố ý trực tiếp, việc ông M ngã bị vết thương ở vùng chẩm gây chấn thương sọ não gây tổn hại sức khỏe do thương tích gây ra 83% là lỗi cố ý gián tiếp nên bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự trong vụ án này, cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Đối với hành vi của ông Nguyễn B: Chỉ khai nhận lúc giành giật cục đá trên tay ông M thì B đến lôi tay phải của ông B ra, ông M bị tuột tay ngã xuống đường bê tông. Mặc dù ông C thay đổi lời khai cho rằng ông B đánh ông M ngã, nhưng hiện tại ông C bị tai biến không làm việc được; còn Lê Quang N khai B và B đều đánh ông M nhưng bị cáo B đánh ông M ngã; Phạm Nguyễn Anh K khai ông B và B đều đánh vào người ông M, nhưng không xác định được sau khi B đánh ông M, ông B đánh ông M có trúng hay không thì thấy ông M ngã, bà Võ Thị H vợ ông M khai ông B và B đều đánh vào người ông M một nhưng không xác định được ai đánh ngã, sau khi ông M ngã thì ông B đá vào hông ông M, nhưng không có ai nhìn thấy ông B đá. Đến nay Cơ quan điều tra chỉ chứng minh ông M có 01 vết thương ở mặt phải kích thước (4x3)cm là do B đánh gây ra, vết thương vùng chẩm của ông M là do B đánh ông M ngã xuống nền đường bê tông gây ra.

Ngoài ra khi ông M điều trị tại bệnh viện vào ngày 10/5/2017 gia đình ông M có chụp ảnh bên mặt bên trái của ông M có vết bầm ở mép trên bên trái mặt ông M gửi cho Cơ quan điều tra, nhưng qua kết quả giám định (bút lục 168, 560) và chứng cứ, tài liệu đã thu thập được, không có căn cứ để xác định được thời gian và cơ chế hình thành dấu vết ở mép trên bên mặt trái của ông M do đâu mà có, có trong thời gian nào, nên không có căn cứ để xác định ông Nguyễn B cùng Nguyễn Thanh B đánh ông M ngã bị chấn thương sọ não, liệt tứ chi với tỉ lệ thương tích là 83%. Vì vậy không có căn cứ để xác định ông Nguyễn B cùng với Nguyễn Thanh B đánh ông M ngã, nên hành vi của ông Nguyễn B không đồng phạm với bị cáo B về tội “Cố ý gây thương tích” trong vụ án này.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo B đã khai nhận thương tích của ông Nguyễn M là do bị cáo Nguyễn Thanh B gây ra. Khi gây ra thương tích cho ông M thì bị cáo B có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bị cáo B phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp cho bị hại ông M yêu cầu bồi thường:

a/ Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, điều trị và bồi dưỡng sức khỏe của ông M trong quá trình ông bị thương tích 83%, bị liệt tứ chi nằm một chỗ nên ông biến chứng qua các bệnh viêm phổi, dạ dày (theo điều trị của Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Quảng Ngãi và giám định viên giải thích kết luận giám định tại phiên tòa sơ thẩm) thì gia đình bị hại đã nộp tất cả các chứng từ chi phí và người

đại diện hợp pháp bị hại ông M yêu cầu bồi thường tổng cộng các chứng từ hóa đơn, giấy biên nhận này. Xét thấy các chứng từ hóa đơn, giấy biên nhận gồm:

1/ Bảng kê ghi ngày 14/01/2018 chứng từ hóa đơn chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 8.215.668 đồng (BL 63);

2/ Bảng kê ghi ngày chứng từ hóa đơn, giấy biên nhận chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 99.636.122 đồng (BL 64);

3/ Bảng kê chứng từ hóa đơn, giấy biên nhận chi phí điều trị, bồi dưỡng là 42.129.930 đồng (BL 65), trong đó không chấp nhận tiền tàu 10.000.000 đồng và taxi 1.500.000 đồng do người đại diện hợp pháp của bị hại nghe hôm đó bác sỹ nói ông M chết nên người nhà tập trung ra đem ông M về nên chi phí này không hợp lý, còn lại chấp nhận số tiền 30.629.930 đồng.

4/ Bảng kê ghi ngày 12/3/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 19.516.549 đồng (BL 411);

5/ Bảng kê ghi ngày 13/4/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 8.892.968 đồng (BL 453);

6/ Bảng kê chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 20.341.416 đồng (BL 540a)

7/ Bảng kê ghi ngày 17/7/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 22.427.000 đồng (BL 565);

8/ Bảng kê ghi ngày 12/6/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 8.401.366 đồng (BL 572);

9/ Bảng kê ghi ngày 07/8/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 22.368.000 đồng (BL 676);

10/ Các chứng từ hóa đơn và giấy biên nhận (bút lục từ 808 đến 815) số tiền 11.526.000 đồng.

11/ Bảng kê ghi ngày 28/11/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 16.674.000 đồng (BL 817);

12/ Các chứng từ hóa đơn và giấy biên nhận chi phí điều trị, bồi dưỡng (bút lục từ 1020 đến 1028) số tiền 33.210.000 đồng.

13/ Các chứng từ hóa đơn và giấy biên nhận chi phí điều trị, bồi dưỡng (bút lục từ 1032 đến 1052) số tiền 45.808.000 đồng;

14/ Bảng kê ghi ngày 16/10/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 42.415.716 đồng (BL 705);

15/ Bảng kê ghi ngày 30/10/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 29.390.000 đồng (BL 721);

16/ Bảng kê ghi ngày 14/11/2018 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 3.390.000 đồng (BL 735);

17/ Các chứng từ hóa đơn và giấy biên nhận điều trị, bồi dưỡng (bút lục từ 1252 đến 1256) số tiền 6.150.000 đồng.

18/ Các chứng từ hóa đơn và giấy biên nhận chi phí điều trị, bồi dưỡng (bút lục từ 1204 đến 1240) số tiền 38.950.100 đồng;

19/ Bảng kê ghi ngày 29/7/2020 chứng từ chi phí điều trị, bồi dưỡng số tiền 70.117.000 đồng.

Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ hợp lệ nêu trên mà gia đình bị hại ông M đã cung cấp trong quá trình điều tra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, có căn cứ xác định tổng số tiền chi phí cho việc cứu chữa,

điều trị và bồi dưỡng cho ông Nguyễn M (gồm cả chi phí thuê điều dưỡng, nhân viên y tế ông T, ông T và bà B chăm sóc tại nhà vì ông T, ông T và bà B thực tế có đến nhà điều trị chăm sóc cho ông M và đều có giấy xác nhận các khoản chi phí và đã nhận tiền từ gia đình của ông M; khoản tiền chi phí vận chuyển) từ khi ông M bị thương tích đến nay được chấp nhận là: 538.059.835đồng. Đây là khoản chi phí thực tế và hợp lý việc cứu chữa, điều trị cho ông M nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

b/ Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của ông M, không có yêu cầu bồi thường khoản này.

c/ Về khoản tiền mất thu nhập của người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh B bồi thường số tiền mất thu nhập của người chăm sóc người bị hại tính đến ngày ông M chết, cụ thể: Bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc người bị hại từ khi bị thương tích đến nay, mỗi ngày là 200.000đồng; anh Nguyễn Quốc V chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện, mỗi ngày là 500.000 đồng và anh Võ Văn N chăm sóc ông M tại Bệnh viện Đà Nẵng với số tiền công là 6.000.000đồng. Xét thấy yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại về khoản tiền mất thu nhập của bà Võ Thị H và anh Võ Văn N là phù hợp. Riêng khoản tiền mất thu nhập của anh Nguyễn Quốc V mỗi ngày 500.000đồng là chưa phù hợp, anh V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của anh mỗi ngày là 500.000đồng nên chỉ chấp nhận khoản tiền mất thu nhập của anh V mỗi ngày là 300.000đồng. Như vậy, tính đến ngày ông M chết (ngày 03-7-2020) thì khoản tiền mất thu nhập của những người chăm sóc ông M như sau:

Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc ông M trong thời gian điều trị được chấp nhận.

Lần 1, ông M nằm viện thời gian từ ngày 07/5/2017 đến ngày 12/6/2017 là 37 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Đà Nẵng gồm có bà Hoa, Nguyễn Quốc V, Võ Văn N (N gọi bà H bằng cô ruột), tiền công của ông N, bà H đã trả 6.000.000 đồng. Bà H đã trả tiền cho ông N nhưng không có chứng từ vì chỗ cháu và cô ruột nhưng thực tế bà H có trả tiền công cho ông N.

Lần 2, ông M nằm viện thời gian từ ngày 17/6/2017 đến ngày 23/6/2017 là 07 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Đà Nẵng là bà H và ông V.

Lần 3, ông M nằm viện thời gian từ ngày 23/6/2017 đến ngày 30/6/2017 là 07 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Quảng Ngãi là bà H và ông V.

Lần 4, ông M nằm viện thời gian từ ngày 11/10/2017 đến ngày 07/11/2017 là 28 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng Đà Nẵng là bà H và ông V. Tại giấy ra viện có ghi ông M hưu trí nhưng đại diện hợp pháp của bị hại xác định ông M không phải hưu trí là do bệnh viện ghi nhầm trong giấy ra viện là phù hợp với lý lịch của ông M không phải hưu trí.

Lần 5, ông M nằm viện thời gian từ ngày 29/12/2017 đến ngày 19/01/2018 là 22 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Đà Nẵng là bà H và ông V.

Lần 6, ông M nằm viện thời gian từ ngày 30/01/2018 đến ngày 13/02/2018 là 15 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Quảng Ngãi là bà H và ông V.

Lần 7, ông M nằm viện thời gian từ ngày 04/12/2018 đến ngày 10/12/2018 là 07 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Quảng Ngãi là bà H và ông V.

Lần 8, ông M nằm viện thời gian từ ngày 25/10/2019 đến ngày 08/11/2019 là 15 ngày, người chăm sóc cho ông M tại Bệnh viện Đà Nẵng là 01 mình bà H.

Tổng cộng số ngày ông M nằm viện là 138 ngày.

Tiền công chăm sóc thời gian 138 ngày x 200.000 đồng/ngày đối với bà H = 27.600.000 đồng. Còn V là 123 ngày x 300.000 đồng/ngày = 36.900.000 đồng và anh N tiền công chăm sóc 6.000.000 đồng, tổng cộng người đại diện hợp pháp của bị hại ông M yêu cầu bồi thường tiền công chăm sóc trong thời gian điều trị là: 70.500.000 đồng.

Ngoài ra ông M nằm một chỗ nên phải có người chăm sóc là từ ngày 07/5/2017 đến ngày 03/7/2020 là 1.154 ngày nhưng trừ 138 ngày nằm viện ở trên nên còn lại là 1.016 ngày x 200.000 đồng/ngày (do bà H trực tiếp chăm sóc ông M) = 203.200.000 đồng.

Tổng cộng tiền công chăm sóc ông M là 273.700.000 đồng là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

d/ Khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần người đại diện hợp pháp của bị hại ông M yêu cầu bồi thường 50 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 74.500.000 đồng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Tổng cộng các khoản thiệt hại yêu cầu bồi thường nêu trên được chấp nhận là: 886.259.835 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh B phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn M.

e/ Người đại diện hợp pháp của bị hại ông M yêu cầu bồi thường tiền mai táng phí gồm mua quan tài, đồ liệm... là 11.290.000 đồng và tiền xây mộ 74.233.000 đồng, tổng cộng là 85.523.000 đồng. Khoản chi phí này Hội đồng xét xử không chấp nhận, vì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát khởi tố, truy tố Nguyễn Thanh B về tội cố ý gây thương tích, với tỷ lệ thương tích của ông M 83% là có căn cứ, sau đó ông M điều trị gần 03 năm sau mới chết.

[5] Về xử lý vật chứng: Sau khi bị cáo B đánh ông Nguyễn M ngã ra đường thì ông Nguyễn B có giao nộp cho Công an xã Nghĩa Hà 03 cục đá, gồm: 01 cục đá cuội (đá tự nhiên) có kích thước (7x8)cm màu trắng xám; 01 cục đá bằng pê tông có kích thước (7x8)cm màu xám; 01 cục đá bằng xi măng có kích thước (11x7)cm màu đen xám. Tuy nhiên, 03 cục đá nêu trên không phải là công cụ mà bị cáo B sử dụng để phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Tiếp tục tạm giữ 2.000.000 đồng có tại Biên lai thu tiền ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi mà bị cáo B nộp khắc phục hậu quả, để đảm bảo thi hành án.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí trong vụ án hình sự:

Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm bị cáo B phải chịu là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng ($86.259.835 \text{ đồng} \times 3\% = 2.587.795 \text{ đồng}$) = 38.587.795 đồng nhưng bị cáo B có đơn đề nghị miễn án phí sơ thẩm ghi ngày 01/4/2020 và tại phiên tòa bị cáo đề nghị miễn án phí sơ thẩm do thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo B là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đối người đại diện hợp pháp của bị hại ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với những khoản chi phí không được chấp nhận với số tiền là 96.823.000 đồng $\times 5\% = 4.841.150$ đồng nhưng người đại diện hợp pháp của bị hại ông M có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nộp tại phiên tòa do thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông M là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[8] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

[9] Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh B đề nghị xử phạt bị cáo B dưới mức khung hình phạt là chưa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 Điều 134, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh B 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 19-7-2017.

2/ Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn M là bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn K, ông Nguyễn Quốc V tổng số tiền là 886.259.835 đồng (Tám trăm tám

mười sáu triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Tiếp tục tạm giữ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà bị cáo Nguyễn Thanh B nộp để đảm bảo thi hành án (Số tiền này có tại Biên lai thu tiền ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 cục đá cuội (đá tự nhiên) có kích thước (7x8)cm màu trắng xám; 01 cục đá bằng pê tông có kích thước (7x8)cm màu xám; 01 cục đá bằng xi măng có kích thước (11x7)cm màu đen xám. Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21-8-2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4/ Về án phí trong vụ án hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Nguyễn Thanh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 38.587.795 đồng nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn M là bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn K, ông Nguyễn Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.841.150 đồng nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS, cơ quan CSĐT,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

cơ quan hồ sơ nghiệp vụ-Công an
thành phố Quảng Ngãi;

- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp Quảng Ngãi;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trà Thanh Tùng